

QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC VÀ VIỆC XÂY DỰNG "HAI HÀNH LANG MỘT VÀNH ĐAI KINH TẾ"

PGS.TS. ĐỖ TIẾN SÂM

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Mở đầu

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng về văn hoá, kinh tế, xã hội và chính trị. Từ khi bình thường hoá năm 1991 đến nay, quan hệ chính trị giữa hai nước phát triển nhanh chóng, nhưng quan hệ kinh tế chưa tương xứng và chưa khai thác hết tiềm năng của mỗi nước. Vì vậy, việc xây dựng “hai hành lang, một vành đai kinh tế” đã được thoả thuận giữa hai nước là có ý nghĩa rất quan trọng, không những đối với sự phát triển của mỗi nước, mà còn đối với việc phát triển quan hệ giữa hai nước trong tương lai.

I. QUAN HỆ VIỆT NAM-TRUNG QUỐC: 15 NĂM NHÌN LẠI

1. Những thành tựu chủ yếu

Trong 15 năm qua, kể từ khi hai nước bình thường hoá năm 1991 đến nay, quan hệ hai nước đã có sự phát triển nhanh chóng và đạt được những thành tựu to lớn:

Một là, lãnh đạo cấp cao hai nước thường xuyên có các cuộc đi thăm hữu nghị chính thức, qua đó tăng thêm sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, tăng cường giao lưu hữu nghị và hợp tác cùng có lợi, tạo động lực mới thúc đẩy quan hệ hai

nước phát triển. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định phương châm phát triển quan hệ hai nước trong thế kỷ XXI là “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và nêu lên phương hướng “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”. Đặc biệt, trong chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam tháng 11 năm 2006, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã nhấn mạnh đặc điểm quan hệ hai nước là “Sơn thủy tương liên, văn hoá tương thông, lý tưởng tương đồng, vận mệnh tương quan”. Hai bên cũng đã chính thức thành lập Uỷ ban chỉ đạo hợp tác song phương, tạo điều kiện cho quan hệ hai nước phát triển theo xu hướng “ổn định, lành mạnh và thuận lợi”.

Hai là, về kinh tế, quan hệ thương mại giữa hai nước đã đạt được thành quả rõ rệt. Theo thống kê, kim ngạch thương mại hai nước năm 2006 đã đạt hơn 9,95 tỷ USD, tăng hơn 300 lần so với năm 1991, vượt mục tiêu đã đề ra, đồng thời tiếp tục đưa Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. *Về đầu tư*, tính lũy kể từ đầu đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc (không kể Hồng Kông) vào Việt Nam có 432 dự án, với tổng vốn đầu tư theo hợp đồng đạt

1,1 tỷ USD, đứng thứ 14/72 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp ở Việt Nam. *Về du lịch*, Trung Quốc hiện có số lượng khách du lịch nhiều nhất trong số khách quốc tế đến Việt Nam, năm 2006 đạt 516.286 lượt người, tăng hơn 50 lần so với năm 1991.

Ba là, quan hệ văn hoá giáo dục và các lĩnh vực khác cũng có những bước phát triển mới. Riêng *về mặt giáo dục*, số lưu học sinh Việt Nam với các hình thức khác nhau tại Trung Quốc đạt khoảng 7000 người.

Bốn là, *vấn đề biên giới lãnh thổ*, hai nước đã giải quyết được hai trong số ba vấn đề biên giới lãnh thổ còn tồn tại: như ký Hiệp ước về biên giới trên đất liền vào năm 1999 và Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định nghề cá vào năm 2000. Hiện tại công tác phân giới cắm mốc trên đất liền đạt được tiến triển rõ rệt và đang phấn đấu đẩy nhanh tiến độ để chậm nhất là vào năm 2008 sẽ hoàn thành; hai bên đã tiến hành điều tra liên hợp nguồn lợi thuỷ sản trong vùng đánh cá chung và triển khai tuần tra chung giữa Hải quân hai nước ở Vịnh Bắc bộ, khởi động đàm phán phân định khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ. Việc 3 công ty dầu khí Việt Nam-Trung Quốc-Phi-lip-pin tiến hành khảo sát địa chấn biển chung tại khu vực thoả thuận ở Biển Đông, đã có tác dụng tích cực đối với việc giữ gìn tình hình ổn định trên biển.

Sự tin cậy lẫn nhau cùng với những bước phát triển trên các lĩnh vực nêu trên đã, đang và sẽ tạo tiền đề và điều kiện cần thiết cho sự hợp tác giữa hai nước “đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững” trong những năm sắp tới nhằm thực hiện mục tiêu mà cả hai nước đều đang quyết tâm theo đuổi là đưa nước mình cơ bản trở thành nước công nghiệp hoá theo hướng hiện đại (Việt Nam) hoặc

hoàn thành xây dựng toàn diện xã hội khá giả (Trung Quốc) vào năm 2020.

2. Những vấn đề đặt ra

Mặc dù quan hệ hai nước thời gian qua đã đạt được những thành tựu quan trọng như vậy, nhưng vẫn chưa thật toàn diện và hài hoà giữa các lĩnh vực. Thực tiễn cho thấy, quan hệ kinh tế phát triển chưa tương xứng với quan hệ chính trị, chưa khai thác hết tiềm năng của mỗi nước, chưa phát huy được ưu thế gần gũi về địa lý, cùng với sự tương đồng về chính trị, văn hoá v.v... giữa hai nước.

Trong lĩnh vực thương mại, tuy kim ngạch thương mại hai chiều tăng trưởng nhanh nhưng Việt Nam luôn là nước nhập siêu và mức nhập siêu ngày càng lớn. Theo thống kê, năm 2006 Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc gần 5 tỷ USD, tăng gấp hơn 3 lần so với năm 2001. Còn trong lĩnh vực đầu tư lẫn nhau, Việt Nam đầu tư sang Trung Quốc còn rất ít ỏi; Trung Quốc đầu tư trực tiếp (FDI) ở Việt Nam cũng chưa nhiều và chất lượng đầu tư chưa cao.

Vì vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu tìm ra những giải pháp thích hợp để đẩy mạnh và tăng cường quan hệ kinh tế hai nước là rất cần thiết và quan trọng.

II. HAI HÀNH LANG VÀ MỘT VÀNH ĐAI KINH TẾ VIỆT – TRUNG

Hai hành lang và một vành đai kinh tế là sáng kiến của Thủ tướng Việt Nam nêu lên trong chuyến thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc tháng 5-2004 và nhận được sự đồng tình của Thủ tướng Trung Quốc. Ngày 16 tháng 11 năm 2006, hai bên đã ký kết Bản ghi nhớ, xác định rõ phạm vi, các lĩnh vực hợp tác trọng điểm và ưu tiên trong khu vực hai hành lang, một vành đai.

Để hiện thực hoá thoả thuận nêu trên, Tổ chuyên gia nghiên cứu, các cơ quan nghiên cứu và học giả hai nước đã tổ chức một số hội thảo khoa học về chủ đề này. Ở đây, chúng tôi xin trình bày một số ý kiến cá nhân về vấn đề này như sau:

1. Ý nghĩa

Về *chính trị*, đây là hành lang kinh tế xuyên quốc gia, điều này chứng tỏ sự tin cậy lẫn nhau về chính trị giữa hai nước đã có những bước tiến thực chất, vượt qua những trở ngại của quan niệm an ninh truyền thống.

Về *kinh tế*, hai hành lang kinh tế đều có vai trò và ý nghĩa nhất định đối với sự phát triển kinh tế của mỗi nước cũng như quan hệ kinh tế giữa hai nước. Một khi được xây dựng, nó sẽ góp phần làm tăng cường thêm giao lưu người và hàng hoá giữa hai nước, tạo điều kiện cho quan hệ trao đổi kinh tế thương mại cân bằng hơn. Đặc biệt, nó có tác dụng thúc đẩy tiến trình chuyển dịch kết cấu kinh tế trong khu vực, theo hướng các ngành dịch vụ như vận chuyển, kho tàng, bến bãi, trao đổi ngoại tệ v.v... sẽ có điều kiện phát triển.

Về *mặt xã hội*, khi hành lang kinh tế đi vào cuộc sống, nó sẽ có tác dụng “lan toả” hay “bức xạ”, thúc đẩy quá trình phân công lại lao động xã hội trên địa bàn, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, qua đó góp phần xoá đói giảm nghèo cho cư dân trong khu vực.

Như vậy, cả về phương diện chính trị, kinh tế lẫn xã hội, các hành lang và vành đai kinh tế Việt – Trung đều sẽ đưa lại những lợi ích nhất định, đáp ứng nguyện vọng cơ bản và lâu dài của nhân dân hai nước là hữu nghị và cùng nhau phát triển, đồng thời cũng phù hợp với

xu thế chung của thế giới và khu vực là hoà bình, hợp tác và phát triển.

2. Có ý kiến cho rằng, việc xây dựng hành lang kinh tế Việt – Trung là quan trọng và có ý nghĩa. Tuy nhiên, các hành lang này đều được dựa trên một nền tảng hết sức khó khăn về vốn, cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội.

Tôi cho rằng, đây là một thực tế khách quan. Vấn đề đặt ra là chúng ta có thể lợi dụng những ưu thế đã và sẽ có thì vẫn có thể khắc phục được những khó khăn trên. Chẳng hạn như, chúng ta có thể gắn kết, lồng ghép các hành lang kinh tế này với các chương trình phát triển khác, bao gồm: Hành lang kinh tế Đông – Tây, đường sắt xuyên Á, chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS), hành lang kinh tế Chu Giang mở rộng (9+2) v.v... Như vậy, chúng ta có thể lợi dụng và phát huy được nhiều nguồn lực khác nhau, không chỉ của hai nước mà còn của các tổ chức quốc tế khác.

3. Với tinh thần cùng có lợi và cùng thắng, để “Hai hành lang, một vành đai kinh tế” thật sự phát huy hiệu quả, tôi xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

Một là, về cơ sở hạ tầng, hai bên cần hợp tác để nâng cấp các tuyến đường quốc lộ nối liền Lạng Sơn với Hải Phòng và Lào Cai với Hải Phòng thành đường cao tốc hoặc đường cao cấp. Cùng với đường bộ, Việt Nam cần cải tạo nâng cấp các tuyến đường sắt dọc hành lang theo tiêu chuẩn quốc tế. Tất cả đều nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu trao đổi thương mại ngày càng tăng giữa hai nước. Ngoài ra, hệ thống cảng ở Hải Phòng, Quảng Ninh cần được cải tạo, nâng cao năng lực bốc xếp, đồng thời xây dựng hệ thống kho bãi với trang thiết bị đồng bộ hiện đại.

Hai là, về cơ chế chính sách. Các ngành hữu quan hai nước cần có sự phối hợp về chính sách trên các mặt như: xuất nhập cảnh, hải quan, mậu dịch... sao cho nhanh chóng, tiện lợi... tạo điều kiện cho người và vật tư hàng hoá qua lại dễ dàng. Nói một cách khác là, hành lang kinh tế xuyên quốc gia nhưng chế độ chính sách nên là một.

Kết luận

Quan hệ chính trị Việt Nam - Trung Quốc phát triển thuận lợi là sự đảm bảo quan trọng cho việc xây dựng “hai hành lang, một vành đai kinh tế”; ngược lại “hai hành lang, một vành đai kinh tế” khi được xây dựng sẽ có tác dụng thúc đẩy giao lưu kinh tế giữa hai nước phát triển, qua đó góp phần củng cố quan hệ chính trị giữa hai nước. Tôi cho rằng, quan điểm “cùng chung vận mệnh” (vận mệnh tương quan) về chính trị, “cùng thắng, cùng có lợi” về kinh tế cần được quán triệt ở các cấp, các ngành của hai nước. Trong tiến trình xây dựng “hai hành lang, một vành đai kinh tế”, việc củng cố sự tin cậy lẫn nhau giữa hai nước là tiền đề, việc cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng (giao thông, kho tàng, bến bãi...) đóng vai trò quan trọng, việc phối hợp chính sách nhằm thông quan nhanh theo mô hình “kiểm tra một trạm” có vai trò đột phá khâu và phát triển du lịch cần được xem như một “chương trình thu hoạch sớm”.

Việc hợp tác phát triển “hai hành lang một vành đai” có kết quả, đưa lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên cũng sẽ là tiền đề và khởi đầu quan trọng cho sự hợp tác khu vực rộng lớn hơn giữa hai nước cũng như giữa ASEAN và Trung Quốc theo ý tưởng “một trục hai cánh”

mà Bí thư Đảng uỷ Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây - Lưu Kỳ Bảo nêu lên gần đây. Bởi lẽ, điều đó không những có lợi cho sự phát triển kinh tế của mỗi nước, đồng thời còn góp phần quan trọng vào tiến trình hợp tác xây dựng Khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện KHXH Việt Nam, UBND tỉnh Lào Cai (2006): “*Hợp tác phát triển hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, vai trò của tỉnh Lào Cai*”, Nxb KHXH.
2. Viện KHXH Việt Nam, UBND thành phố Hải Phòng, “*Phát triển hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt - Trung trong khuôn khổ hợp tác ASEAN - Trung Quốc*”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Hải Phòng, ngày 22, 23 tháng 12 năm 2006.
3. Đỗ Tiến Sâm (2005): “*Việt Nam - Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển*”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1.
4. Nguyễn Xuân Thắng (2005): “*Hành lang kinh tế và Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng*”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 6.
5. Nguyễn Văn Lịch (2005): “*Mở cửa phát triển Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng*”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc.
6. Cổ Tiểu Tùng (2005): “*Xây dựng vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, độ sâu hợp tác hữu nghị Trung - Việt*”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1.
7. Nông Lập Phu (2005): “*Ý tưởng xây dựng Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng*”, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 2.
8. Xem Đỗ Tân (chủ biên) (2006): *Chiến lược chữ M - Ý tưởng chiến lược mới hợp tác kinh tế khu vực Trung Quốc - ASEAN*, Nxb Tân Hoa, Bắc Kinh.